



## CÁC NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP KIỂM CHẾ LẠM PHÁT

**PGS. TS. NGUYỄN VĂN TRÌNH**  
*Trường Đại học Kinh tế - Luật,  
ĐHQG TP.HCM*

**& THS. LÊ TRƯƠNG HẢI HIẾU**

### 1. Đặt vấn đề

Trong những năm vừa qua kinh tế VN thường xuyên phải chịu mức lạm phát cao làm cho những thành quả của tăng trưởng kinh tế không đến được với người lao động do mức tăng thu nhập danh nghĩa không theo kịp mức tăng của giá cả thị trường. Đặc biệt, năm 2008 lạm phát đã tăng rất cao lên đến trên 23% buộc Chính phủ phải đưa ra hệ thống 8 giải pháp nhằm kiểm chế lạm phát và đã đạt được kết quả nhất định khi lạm phát năm 2009 và 2010 có xu hướng giảm xuống. Tuy nhiên, lạm phát như con ngựa bất kham đã tăng cao trở lại trong năm 2011 lên đến 18,23% mặc dù Chính phủ đã có nghị quyết 11 đưa ra một hệ thống giải pháp toàn diện để kiểm chế lạm phát ngay từ đầu năm 2011. Vì sao lạm phát trong

năm 2011 lại tăng cao? Các giải pháp nào cho năm 2012 và những năm tiếp theo để kiểm chế lạm phát xuống còn một con số như mong muốn của Chính phủ?

### 2. Các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến lạm phát tăng cao trong năm 2011

Theo lý thuyết kinh tế học, có hai nguyên nhân chủ yếu dẫn đến lạm phát là do cầu kéo và chi phí đẩy. Lý thuyết lạm phát do cầu kéo chỉ đúng khi nền kinh tế đạt mức sản lượng tiềm năng, đã sử dụng hết hoặc gần hết nguồn lực sẵn có. Khi đó, nếu tổng cầu gia tăng thì sẽ làm giá cả gia tăng vì nền kinh tế không còn tiềm năng để tăng trưởng, nên tổng cầu tăng không làm tổng cung tăng, mà chỉ làm tăng giá cả. Tổng cầu bao gồm các thành phần: Cầu chi tiêu của cá nhân, cầu chi tiêu của chính phủ, cầu đầu tư của các doanh nghiệp và cầu chi tiêu của người nước ngoài (xuất khẩu). Tổng cầu phải thể hiện thông qua tổng cầu tiền mặt. Bởi vì, trong nền kinh tế thị trường

muốn mua hoặc bán được hàng hóa phải có một lượng tiền tương ứng với giá cả hàng hóa (lượng tiền cần thiết cho lưu thông). Các nhà lý luận kinh tế gọi đây là lưu thông hàng hoá – tiền tệ. Vì vậy, khi tổng tiền mặt trong lưu thông tăng lên cũng thể hiện tổng cầu tăng lên. Trong trường hợp Ngân hàng trung ương có chính sách làm cho khối tiền trong lưu thông tăng lên, điều đó đồng nghĩa với việc sẽ làm cho tổng cầu gia tăng. Nếu nền kinh tế còn dưới mức tiềm năng, tổng cầu tăng sẽ tác động làm tổng cung tăng, nền kinh tế tăng trưởng, lúc đó lạm phát sẽ không cao, nền kinh tế sẽ chịu đựng được mức lạm phát này. Ngược lại, nếu nền kinh tế đã ở mức tiềm năng thì tổng cầu tăng sẽ làm giá tăng, mà sản lượng không tăng nổi, lạm phát sẽ tăng cao.

Nguyên nhân lạm phát do chi phí đẩy được thể hiện khi trong nền kinh tế còn nằm dưới mức sản lượng tiềm năng. Lúc này lạm phát cao xảy ra do giá các yếu tố đầu vào của nền sản xuất tăng cao (nguyên,

nhiên vật liệu chủ yếu trong nền kinh tế như xăng dầu, lương thực thực phẩm...tăng cao) làm cho chi phí sản xuất hàng hóa tăng cao và đẩy giá cả hàng hóa trên thị trường tăng cao. Lạm phát cao xảy ra.

Từ các nguyên nhân về mặt lý thuyết ở trên, xuất phát từ thực tiễn VN, có thể phân tích nguyên nhân lạm phát ở VN trong những năm qua có cả yếu tố cầu kéo và chi phí đẩy.

**Trước hết**, nguyên nhân do cầu kéo. Mặc dù nền kinh tế VN chưa đạt mức sản lượng tiềm năng, vẫn còn nhiều nguồn lực cho tăng trưởng: Nguồn nhân lực dồi dào và trẻ, nguồn vốn trong và ngoài nước phong phú, nguồn tự nhiên chưa khai thác hết, nhưng lạm phát trong những năm 2007 - 2011 vẫn có nguyên nhân từ phía cầu. Có thể trình bày những nguyên nhân từ phía cầu như sau:

- Thu nhập quốc dân tăng lên do kết quả tăng trưởng kinh tế nhiều năm liên trước đó làm cho thu nhập của dân cư tăng lên (năm 2001: 6,89%, năm 2002: 7,08%, năm 2003: 7,34%, năm 2004: 7,79%, năm 2005: 8,44%, năm 2006: 8,23%; năm 2007: 8,46%; năm 2008: 6,31%; năm 2009: 5,46%; năm 2010: 6,78% và năm 2011 dự kiến tăng 6% ). Điều đó làm cho cầu tiêu dùng cá nhân tăng cao trong năm 2007.

- Tốc độ tăng đầu tư trong toàn bộ nền kinh tế (bao gồm khu vực kinh tế trong nước và nước ngoài) cao trong nhiều năm liên (khoảng 25% - 35%/năm), nhất là đầu tư nước ngoài tăng cao trong các năm 2006 (vốn FDI đăng ký trên 12 tỷ USD); năm 2007 là 21 tỷ USD và đặc biệt nhảy vọt trong năm 2008 (vốn FDI đăng ký trên 71 tỷ USD), trong những năm 2009, 2010 và

2011 đầu tư trực tiếp nước ngoài vào VN khoảng 11 – 12 tỷ USD/năm và thực tế giải ngân khoảng 8 -9 tỷ USD/năm đã làm cho cầu đầu tư tăng lên nhanh chóng, đẩy giá nguyên, nhiên vật liệu và nhân công tăng cao. Tiền lương tối thiểu trong khu vực hành chính, sự nghiệp đã tăng lên kéo tiền lương trong khu vực sản xuất cũng tăng theo, làm gia tăng thu nhập bằng tiền và tiêu dùng trong dân cư cũng tăng theo. Bên cạnh đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, đầu tư và chi tiêu công của Chính phủ cũng gia tăng mạnh qua các năm, bội chi ngân sách những năm gần đây luôn tăng trên 5%, vượt mức phê duyệt của Quốc hội hàng năm.

- Xuất khẩu tăng nhanh qua nhiều năm, riêng năm 2006 là 39,8 tỷ USD, năm 2007 là 48,5 tỷ USD, năm 2008 đã đạt trên 62,6 tỷ USD; năm 2009 đạt gần 70 tỷ USD, năm 2010 đạt 82 tỷ USD và năm 2011 ước đạt 100 tỷ USD làm cho việc tiêu dùng sản xuất xuất khẩu như mua nguyên, nhiên, vật liệu, thuê mướn nhân công...tăng nhanh, đẩy tổng cầu tăng nhanh.

- Đồng thời, với chính sách đẩy mạnh đầu tư và xuất khẩu nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, chính phủ VN đã thực hiện chính sách tiền tệ mở rộng, khi giữ mức lãi suất thị trường thấp, tỷ giá hối đoái VND cao. Điều đó thể hiện trong năm 2007 Ngân hàng Nhà nước đã phát hành khối lượng tiền mặt tăng thêm 30%, chủ yếu để mua ngoại tệ nhằm giữ giá trị VND thấp, với mục đích thúc đẩy xuất khẩu. Bên cạnh đó, do lãi suất thị trường thấp nên lượng tín dụng từ các ngân hàng cũng tăng lên đến trên 35%, nhất là cho vay mua chứng khoán và kinh doanh bất

động sản, nhưng thiếu biện pháp để thu hút tiền về ngân hàng. Riêng trong năm 2008, do thực hiện các gói giải cứu nền kinh tế thoát khỏi suy thoái kinh tế nên lượng tiền trong lưu thông tăng lên rất nhanh điều này cũng làm gia tăng lạm phát trong năm 2008. Chính sách mở rộng tiền tệ tiếp tục được thực hiện trong năm 2009, 2010 khi dư nợ tín dụng tăng trên 35 – 36%/năm càng làm gia tăng lượng tiền trong lưu thông.

**Thứ hai**, nguyên nhân do chi phí đẩy. Nguyên nhân về phía chi phí có thể phân tích ở những điểm sau:

- Trong năm 2007 VN đã trở thành thành viên chính thức thứ 150 của WTO, đánh dấu sự hội nhập của nền kinh tế VN vào nền kinh tế thế giới. Do đó, các biến động trên thị trường thế giới đều ảnh hưởng đến thị trường trong nước. Chẳng hạn như giá dầu trên thị trường thế giới tăng cao ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế VN, mặc dù, VN là nước xuất khẩu dầu, nhưng khi giá dầu lên lại ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế, bởi vì, VN chưa có công nghiệp hóa dầu mạnh nên chủ yếu phải nhập xăng dầu và các nguyên liệu sản xuất từ dầu hỏa với giá cao, trong khi phải xuất khẩu dầu thô với giá thấp. Giá dầu tăng cao và giá cả các hàng hóa nguyên, nhiên vật liệu khác trên thế giới tăng cao quả thật đã đè nặng lên chi phí sản xuất của VN, bởi vì, VN phải nhập nhiều thứ hàng hóa máy móc, thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu cho sản xuất kinh doanh trong nước và cho xuất khẩu. Từ năm 2007 mức nhập siêu của VN luôn tăng cao, trong đó, đến 80% là nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu phục vụ sản xuất. Giá nhập khẩu tăng đã đẩy

giá thành sản xuất trong nước tăng cao, để không bị lỗ, buộc nhà sản xuất, kinh doanh phải nâng giá bán lên, đẩy mức giá cả chung tăng lên (các nhà lý luận kinh tế gọi đây là hiện tượng nhập khẩu lạm phát). Trong khi đó, năng suất lao động của VN còn thấp, việc ứng dụng khoa học – công nghệ nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm còn ít, nên cũng không thể hạ giá bán sản phẩm hàng hóa.

- Từ năm 2007 đến nay VN thường xuyên chịu nhiều thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh gây ra. Bão, lũ các tỉnh miền Bắc, miền Trung đã làm tình hình sản xuất lương thực, thực phẩm của các địa phương này gặp khó khăn, kèm theo dịch bệnh liên tục đã làm cho giá lương thực, thực phẩm tăng cao. Đồng thời, các cơn sốt nhà đất, bất động sản trong những năm qua cũng đã đẩy giá nhà, giá căn hộ, giá thuê nhà ở, giá văn phòng cho thuê tăng cao. Bên cạnh đó, giá các dịch vụ khác cũng đều gia tăng: Giá điện, giá nước, chi phí học tập, giá dịch vụ y tế... Tất cả đều ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, nhất là đến giá trị sức lao động, gây sức ép đẩy giá nhân công tăng cao, và làm cho chi phí sản xuất tăng cao, góp phần đẩy mức giá chung tăng lên.

- Trong năm 2011 việc điều chỉnh tỷ giá vào đầu năm quá cao và đột ngột làm cho đồng tiền VN bị mất giá 9,3% đã đẩy giá tất cả hàng hóa nhập khẩu tăng cao, trong đó, như đã phân tích, phần lớn nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ sản xuất, tiêu dùng trong nước và xuất khẩu đều là hàng nhập khẩu.

- Lãi suất tăng cao vừa là biện pháp kiềm chế lạm phát nhưng đồng thời nó lại có tác động làm tăng chi phí tài chính cho doanh

nh nghiệp, vì vậy nó cũng góp phần làm tăng giá cả hàng hóa khi doanh nghiệp chuyển chi phí đó cho người tiêu dùng và đẩy lạm phát gia tăng. Năm 2011, Ngân hàng Nhà nước đã dùng giải pháp thắt chặt tiền tệ, nâng trần lãi suất nhận gửi lên 14%/năm, trong khi thả nổi lãi suất đầu ra. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước đã không có biện pháp hữu hiệu để kiểm soát việc thực hiện trần lãi suất nhận gửi và lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại, nhất là các ngân hàng thiếu thanh khoản, tạo ra cuộc đua lãi suất của các ngân hàng và đẩy lãi suất nhận gửi thực tế lên đến 17 – 19%/năm làm cho lãi suất cho vay cũng bị đẩy lên 22 – 24%/năm. Điều này đã gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc tiếp cận đến nguồn vốn, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, làm cho sản xuất bị đình đốn, nhiều doanh nghiệp thiếu vốn đã phải thu hẹp sản xuất, kinh doanh, sa thải bớt công nhân. Tác động của nó là làm thiếu nguồn cung hàng hóa và đẩy giá hàng hóa gia tăng.

- Với chủ trương điều hành nền kinh tế theo cơ chế thị trường, Chính phủ đã quyết định thực hiện cơ chế giá các mặt hàng thiết yếu của nền kinh tế như xăng, dầu, điện, nước, lương thực, thực phẩm theo giá thị trường. Tuy nhiên, do việc điều chỉnh tăng giá các mặt hàng xăng, dầu, điện, nước không đúng thời điểm nên đã góp phần làm tăng giá trong nền kinh tế, đẩy tỷ lệ lạm phát tăng cao. Trong năm 2011, dưới tác động của tăng tỷ giá VND đầu năm, giá xăng dầu đã hai lần tăng cao, lên đến 20%, còn giá điện cũng được điều chỉnh hai lần tăng lên trên 20%, giá thực phẩm, gia súc, gia cầm, thủy sản và rau xanh tăng mạnh vào tháng 7 và giá

dịch vụ giáo dục cũng tăng mạnh vào tháng 9/2011.

Như vậy, lạm phát ở VN trong những năm qua có nguyên nhân cả từ phía cầu và phía cung. Các nguyên nhân có thể do các yếu tố khách quan từ việc nhập khẩu lạm phát từ bên ngoài, đồng thời có nguyên nhân chủ quan từ điều hành chính sách của Chính phủ, trong đó, nguyên nhân chủ quan là chủ yếu và quyết định làm cho lạm phát tăng cao và triền miên. Xuất phát từ những nguyên nhân đã phân tích, có thể đề xuất các giải pháp chủ yếu để kiềm chế lạm phát cho năm 2012 và những năm tiếp theo.

### 3. Những giải pháp kiềm chế lạm phát cho những năm tới

Những nguyên nhân của lạm phát trong thời gian qua về cơ bản đã được nhận diện, vậy cần phải làm gì để lạm phát trong những năm tới được kiềm giữ ở mức mong muốn nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế vừa phải, nhất là thời kỳ hậu khủng hoảng kinh tế, trong khi những nhân tố làm gia tăng lạm phát có tác động với cường độ mạnh hơn như: Đầu tư toàn xã hội vẫn phải duy trì ở mức cao; tiền lương trong tất cả các khu vực đã tăng cao hơn (từ 01/05/2011 tiền lương cơ bản của khu vực hành chính, sự nghiệp đã tăng lên 830.000 VND/tháng so với trước đây là 730.000 VND/tháng, theo kế hoạch đến 01/05/2012 tiền lương khu vực này sẽ tăng lên 1.050.000 VND/năm); giá dầu trên thế giới còn nhiều bí ẩn, và có thể vẫn giữ ở mức cao như hiện nay, thậm chí còn có thể cao hơn hiện nay nếu kinh tế thế giới năm 2012 và những năm sau phục hồi và nhất là tình hình khủng hoảng chính trị trong khu vực Trung Đông và Bắc

Phi không được cải thiện (hiện nay là khoảng 99 USD/thùng)....

Theo chúng tôi, cần phải thực hiện đồng loạt nhiều biện pháp một cách thông minh, khôn khéo mới có thể kiềm chế lạm phát ở mức mong muốn mà không ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế. Có thể gọi ý một vài biện pháp sau:

-Không thể giảm mạnh tổng cầu để kiềm chế lạm phát được, bởi vì, nó sẽ có tác động làm giảm tỷ lệ tăng trưởng. Tuy nhiên, có thể thông qua chính sách tiền tệ để vẫn giữ lãi suất ở mức vừa phải nhằm thúc đẩy đầu tư mà vẫn kiềm chế được mức tổng cầu tiền tệ, nhất là đối với những khoản cầu tiền tệ không cần thiết cho nền kinh tế. Chính sách tiền tệ cần thực hiện một cách linh hoạt và kịp thời theo thực tế diễn biến của nền kinh tế. Ngân hàng Nhà nước đưa tiền ra và rút tiền về một cách hợp lý sẽ góp phần kiềm chế lạm phát và kích thích tăng trưởng kinh tế. Có thể rút kinh nghiệm về điều hành chính sách tiền tệ của năm 2009, bởi vì, năm 2009, Chính Phủ đã thực hiện một cách thành công các chính sách vừa kiềm chế lạm phát và vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giúp nền kinh tế phục hồi nhanh sau khủng hoảng. Kết quả là lạm phát năm 2009 được kiềm giữ ở mức 6,52%, trong khi tăng trưởng kinh tế đạt 5,32%, được xem là mức tăng trưởng nhanh trong khu vực lúc bấy giờ. Tuy nhiên, trong năm 2010, chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước có những điểm hạn chế và gây hệ lụy cho năm 2011 làm cho lạm phát năm 2011 gia tăng đột biến, trong khi lạm phát ở các nước trong khu vực và trên thế giới không tăng cao như ở VN.

-Về giảm cầu chi tiêu công của

Chính phủ. Trước hết, Chính phủ phải đảm bảo kỷ luật ngân sách, kiên quyết giảm dần thâm hụt ngân sách qua các năm. Thâm hụt ngân sách cao qua nhiều năm và sử dụng không hiệu quả các khoản chi tiêu công là nguyên nhân chủ quan dẫn đến lạm phát triền miên trong thời gian qua. Để kiềm giữ lạm phát ở mức một con số, Chính phủ cần kiên quyết cắt giảm các khoản chi tiêu công, nhất là các khoản chi thường xuyên như: Mua sắm xe công, xây trụ sở cơ quan công quyền, kiên quyết cắt giảm biên chế ở các cơ quan công quyền để giảm bớt chi phí nhân sự, đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử, giảm bớt chi phí cho hội họp, thông qua phát triển phương thức họp trực tuyến.

- Đối với các dự án công cấp thiết như xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội, phải xác định những dự án cần triển khai xây dựng ngay, những dự án xây dựng trong những năm sau. Trong triển khai thực hiện các dự án, Chính phủ cần chú ý giải ngân kịp thời, nhằm hạn chế tình trạng gây sức ép tăng giá vào cuối năm khi đầu năm thì chậm hoặc không giải ngân, để đến gần cuối năm mới đẩy mạnh giải ngân làm cho một lượng tiền mặt lớn đi vào lưu thông, tác động làm tăng giá mạnh vào cuối năm. Chính phủ nên kiểm soát chặt chẽ các khoản chi tiêu của chính phủ trên tinh thần sử dụng một cách có hiệu quả đồng vốn ngân sách, tránh lãng phí, thất thoát trong đầu tư xây dựng cơ bản. Để đạt yêu cầu này Chính phủ cần tập trung phát huy chức năng của đội ngũ các bộ phận hoạch định dự án, phân bổ nguồn vốn và kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án thuộc Chính phủ. Chính phủ nên tập trung chú ý đến quản

trị tài chính công, tránh vết xe đổ của khủng hoảng nợ công của Chính phủ Hy Lạp và một số nước khác ở Châu Âu.

- Chính phủ cần tăng cường năng lực của bộ máy dự báo để dự báo chính xác sự biến động giá cả trên thị trường thế giới, nhất là giá cả của các mặt hàng chiến lược như xăng, dầu, sắt, thép, lương thực, thực phẩm... để kịp thời điều chỉnh giá trong nước, tránh tình trạng phải đối phó bị động như trong năm các năm qua. Tập trung toàn bộ lực lượng quản lý, điều chỉnh giá cả một cách nhanh nhạy, bằng các biện pháp hành chính lẫn biện pháp kinh tế đối với giá cả thị trường. Chống đầu cơ nâng giá đối với mọi khu vực kinh tế, kể cả kinh tế nhà nước.

- Chính phủ cần phải tăng cường quản lý các doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty mạnh để các doanh nghiệp này tập trung nguồn lực phát triển các ngành nghề chủ lực mà Nhà nước giao. Kiên quyết sắp xếp lại các tập đoàn kinh tế nhà nước có vấn đề trong hoạt động sản xuất kinh doanh như trường hợp tập đoàn Vinashin thời gian qua. Nguyên tắc chung là Chính phủ chỉ nên phát triển các tập đoàn nhà nước trong các lĩnh vực kinh tế trọng yếu của nền kinh tế như: Năng lượng, lương thực, khoáng sản... còn các lĩnh vực khác thì nên để cho các thành phần kinh tế khác hoạt động. Chính phủ nên kiên quyết biến các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước thành các đơn vị kinh tế chủ lực, “các nắm đấm chủ lực” trong việc thực hiện nhiệm vụ ổn định và tăng trưởng kinh tế, tham gia kiềm chế lạm phát khi Chính phủ yêu cầu. Trong thời gian qua, có một thực tế là chính các tập đoàn kinh tế

nhà nước đã góp phần làm gia tăng lạm phát. Đó là trường hợp tăng giá xăng, dầu, giá điện, giá than của các tập đoàn kinh tế nhà nước không đúng thời điểm. Thay vì để thực hiện nhiệm vụ kiềm chế lạm phát của Chính phủ, các tập đoàn kinh tế nhà nước này phải giữ giá, thậm chí là phải giảm giá thì họ đã làm ngược lại, tăng giá hàng loạt, làm cho mức giá cả chung trong nền kinh tế càng tăng cao.

- Chính phủ cần thay đổi cơ chế kiểm soát giá, nên có cơ quan quản lý giá của Nhà nước đối với các hàng hóa cơ bản như: Điện, xăng dầu, lương thực, thực phẩm... Cơ quan này có nhiệm vụ kiểm soát, điều hành mặt bằng giá cả của các hàng hóa cơ bản dưới sự chỉ đạo của Chính phủ. Đây là cơ quan tham mưu cho Chính phủ trong việc tăng, giảm giá các mặt hàng cơ bản chứ không phải giao cho Bộ Công Thương hay Bộ Tài chính thực hiện nhiệm vụ này như hiện nay. Có thể gọi đây là Ủy ban Giá cả thuộc Chính phủ như Ủy ban Vật giá trước đây.

- Về điều hành lãi suất. Lãi suất là giá cả của vốn, là chi phí đầu vào của doanh nghiệp. Việc điều hành lãi suất phải linh hoạt, vừa đảm bảo kiểm soát lạm phát vừa kích thích tăng trưởng kinh tế. Năm 2011, lãi suất quá cao nhưng cũng không kiềm giữ mức lạm phát ở mức thấp như mong muốn, điều đó cho thấy mức lãi suất cao đã đẩy chi phí tăng cao. Do đó, trong năm 2012 và những năm tiếp theo phải điều hành lãi suất theo hướng giảm dần lãi suất để thúc đẩy sản xuất, tạo ra nhiều hàng hóa với giá thành hạ sẽ tạo điều kiện kéo giảm giá cả thị trường xuống và tác động giảm lạm phát. Theo chúng tôi, ngay đầu năm 2012, Ngân hàng Nhà nước

cần thực hiện ngay chính sách trần lãi suất cho vay khoảng 16 – 17% để giúp giảm chi phí tài chính cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Cần thực hiện uốn dòng vốn vào kênh sản xuất, kinh doanh, tạo ra nhiều hàng hóa dịch vụ cho nền kinh tế, tạo thu nhập cho người lao động, cải thiện đời sống kinh tế - xã hội.

- Chính phủ cần phải có giải pháp khôi phục và phát triển thị trường vốn, nhất là thị trường chứng khoán. Hiện nay, vốn cho doanh nghiệp chủ yếu phụ thuộc vào hệ thống ngân hàng thương mại. Nhưng hệ thống ngân hàng VN cũng chưa phân biệt được ngân hàng thương mại và ngân hàng đầu tư nên vốn dài hạn đầu tư lại do các ngân hàng thương mại cung cấp từ nguồn vốn huy động ngắn hạn. Đây là một bất hợp lý và vô cùng nguy hiểm cho hệ thống ngân hàng thương mại, gây nên tình trạng thiếu thanh khoản cho các ngân hàng vì vốn ngắn hạn đã được cho vay đầu tư dài hạn. Để doanh nghiệp đến với kênh huy động vốn dài hạn thực sự là thị trường chứng khoán và các ngân hàng đầu tư thì nhất thiết Chính phủ phải vực thị trường chứng khoán VN dậy bằng các biện pháp như: Bơm vốn cho thị trường chứng khoán (Trung Quốc vừa bơm hàng chục tỷ USD để cứu thị trường chứng khoán Trung Quốc đang sụt giảm); cho phép thực hiện các nghiệp vụ phái sinh hiện đại trên thị trường; rút ngắn thời gian thanh toán từ T-4 hiện nay xuống T-0; tăng thời gian giao dịch lên cả ngày thay vì một buổi như hiện nay; xây dựng các bộ chỉ số VN Index phù hợp hơn cho thị trường, phản ánh trung thực diễn biến trên thị trường; Tăng tiêu

chuẩn cho các cổ phiếu niêm yết để làm tăng chất lượng sản phẩm cho thị trường; Đẩy mạnh IPO các doanh nghiệp nhà nước lớn để tăng sản phẩm chất lượng cho thị trường...

## 4. Kết luận

Trong thực tế điều hành đất nước, bất cứ chính phủ của quốc gia nào cũng muốn nền kinh tế nước mình có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và mức lạm phát thấp, mức thất nghiệp thấp. Tuy nhiên, thực tế hoạt động của nền kinh tế cũng chỉ rõ kinh tế tăng trưởng cao đồng hành với mức lạm phát cao. Nhưng lạm phát cao sẽ triệt tiêu những thành quả của tăng trưởng, sẽ gây khó khăn cho đời sống kinh tế - xã hội, làm cho tăng trưởng thiếu tính bền vững. Vì vậy, để đạt mục tiêu tăng trưởng bền vững nhất thiết phải kiểm soát lạm phát, muốn vậy, phải đặt mục tiêu tăng trưởng vừa phải. Hy vọng với cách điều hành chính sách kinh tế vĩ mô một cách thông minh, linh hoạt Chính phủ VN sẽ thực hiện được mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2012 là 6 – 6,5%, với mức lạm phát dưới 10%/năm làm tiền đề cho sự tăng trưởng ổn định và bền vững cho các năm tiếp theo ●

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS Đỗ Đức Minh (2006), *Tài chính VN 2001 – 2010*, NXB Tài chính, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Nam, Trần Thọ Đạt (chủ biên), (2006), *Tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế ở VN*, NXB ĐHKQTĐ, Hà Nội.
3. *Thời báo kinh tế VN*, Kinh tế 2010 – 2011, VN và thế giới.
4. N.G. Mankiw (2007), *Essentials of Economics*, Thomson, USA.
5. Tổng cục Thống kê (2011), *Niên giám thống kê 2010*, Hà Nội.